

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST.**

Ngày: 12/01/2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Nhật Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Phước.

Ông Nguyễn Văn Ba.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*  
Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 315/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, ấp 7, xã BC, huyện LT, tỉnh ĐN

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, ấp 7, xã BC, huyện LT, tỉnh ĐN

(Chị T, anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống, xây dựng gia đình, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 13 ngày 20/5/2002.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị và anh H chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc nhưng mấy năm trở lại đây thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh H là do anh H cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình nên thường xuyên tranh cãi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay không hòa giải đoàn tụ.

Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên là Nguyễn Trọng N, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Trúc Ng, sinh ngày 19/5/2004. Cháu Nguyễn Trọng N đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Chị yêu cầu giao cháu Nguyễn Thị Trúc Ng cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Văn H:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời khai.

#### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị T. Xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Cháu Nguyễn Trọng N đã thành niên nên không xem xét; Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Trúc Ng, sinh ngày 19/5/2004 cho anh H nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu Ng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BC, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 13 ngày 20/5/2002 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình sống chung anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mà không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ với nhau.

Chị T cho rằng vợ chồng tranh cãi và không còn chung sống từ tháng 8/2020 đến nay, không hòa giải đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án tổ tụng nhiều lần mời anh H đến Tòa án làm việc nhưng anh H vẫn không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H lâm vào tình trạng trầm trọng nên giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Trọng N, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Trúc Ng, sinh ngày 19/5/2004.

Cháu Nguyễn Trọng N đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết; Chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Thị Trúc Ng cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Ng cũng có nguyện vọng được ở với anh H nên giao cháu Ng cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, anh H vắng mặt không có ý kiến, nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Cháu Nguyễn Trọng N, sinh năm 2003 đã thành niên nên không xem xét giải quyết; Giao cháu Nguyễn Thị Trúc Ng, sinh ngày 19/5/2004 cho anh Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T vẫn được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005215 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã BC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Nhật Lệ**

